

Hải Dương, ngày 23 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG
NĂM: 2019

(Phụ lục số 04 - Ban hành theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương
- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0800282498
- Vốn điều lệ: 32.628.180.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 32.628.180.000 đồng
- Địa chỉ: Số 87 Vũ Mạnh Hùng – KDC số 2, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 02203.821338
- Số Fax: 02203.821.557
- Website: www.Khoangsanhaiduong.com
- Email: Hamicokshd@gmail.com
- Mã cổ phiếu: KHD

❖ Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (Công ty) tiền thân là mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng, được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 1958.
- Từ ngày 15/9/1992 UBND tỉnh Hải Hưng thành lập doanh nghiệp nhà nước: Mỏ đá vôi Thống Nhất, trực thuộc sở xây dựng Hải Hưng.
- Từ ngày 15/8/1997 UBND tỉnh Hải Dương đổi tên mỏ đá vôi Thống Nhất thành Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương.
- Tháng 7/2003: Theo quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt phương án cổ phần hóa, chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương

thành Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương. Do vậy từ tháng 8/2003 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Ngày 03/9/2013 Công ty chính thức là Công ty đại chúng theo công văn chấp thuận số: 5547/UBCK-QLPH ngày 03/9/2013 của Ủy ban chứng khoán nhà nước, với mức vốn điều lệ là 11.449.400.000 đồng.
- Ngày 07/01/2014 Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 02/2014/GCNCP-VSD, theo đó Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán kể từ ngày 07/01/2014.
- Ngày 05/06/2015 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm 572.470 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phiếu theo quy định và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận, được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ nhất số 02/2014/GCNCP-VSD-1 ngày 23/09/2015 với số lượng chứng khoán đăng ký là 1.717.410 cổ phần, tổng giá trị là 17.174.100.000 đồng.
- Ngày 12/12/2016 Công ty nhận được Quyết định số 818/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu; Ngày 22/12/2016 cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM. Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 1.717.410 cổ phiếu với tổng giá trị là 17.174.100.000 đồng.
- Ngày 28/08/2019 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm 1.493.991 cổ phiếu để trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phiếu theo quy định và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận, được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ hai số: 02/2014/GCNCP-VSD-2 ngày 24/12/2019 với số lượng chứng khoán đăng ký là 3.262.818 cổ phần, tổng giá trị là 32.628.180.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ Ngành nghề kinh doanh chính:

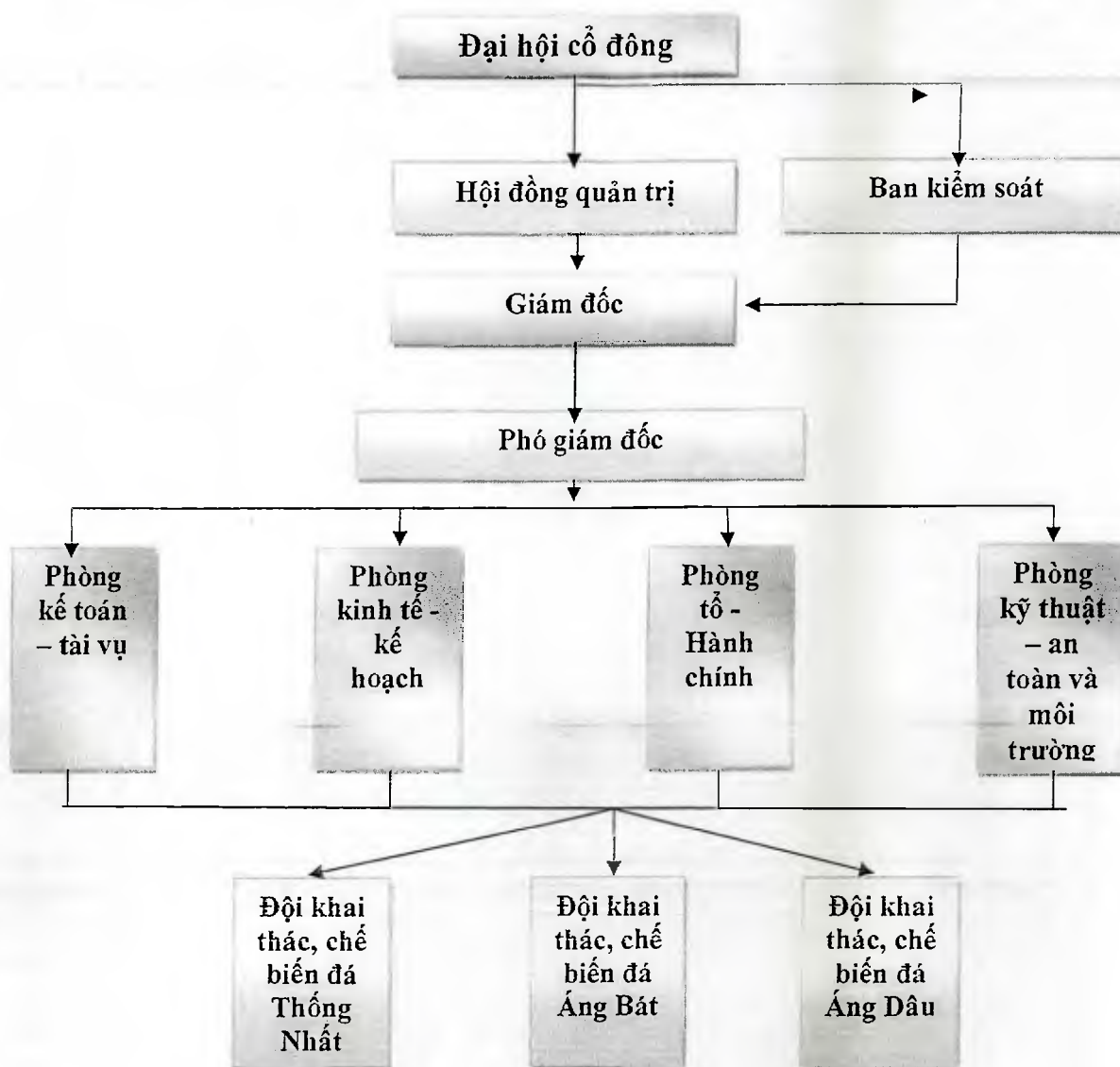
Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng thông thường.

❖ Địa bàn kinh doanh:

Trụ sở Công ty: Số 87 Vũ Mạnh Hùng – KDC số 2, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Các đơn vị sản xuất thuộc địa bàn phường Minh Tân, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



3.1 Mô hình quản trị

❖ Đại Hội Đồng Cổ đông

Đại Hội Đồng Cổ đông là tổ chức quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại Hội Đồng Cổ đông có trách nhiệm đưa ra những chính sách dài hạn và ngắn hạn về việc phát triển của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty, các thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp 2014.

❖ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng cổ đông, do Đại hội Đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

3.2 Cơ cấu quản lý Công ty

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Đại hội Đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, và pháp luật về toàn bộ việc tổ chức kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng:** Hiện tại Công ty có 04 phòng chức năng thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh được hiệu quả.

- ✓ Phòng kế toán tài vụ: Tham mưu cho Giám đốc công ty về thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản của Công ty, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về mặt công tác tài chính và hoạt động kế toán toàn Công ty theo quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty.
- ✓ Phòng kinh tế - kế hoạch: Tham mưu cho giám đốc trong việc ra quyết định về kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị, quyết định khoán chi phí, kế hoạch cung ứng vật tư, nguyên liệu để đảm bảo sản xuất của Công ty. Ngoài ra phòng KT-KH còn có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc về công tác bán hàng như: tiếp thị, giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường, theo dõi các hợp đồng kinh tế.... Quản lý toàn bộ diện tích đất của Công ty.
- ✓ Phòng kỹ thuật - an toàn và môi trường: Tham mưu cho Giám đốc Công ty trong công tác quản lý khai thác các mỏ, chịu trách nhiệm khâu huấn luyện an toàn lao động theo từng công việc đối với công nhân và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mọi chế độ chính sách về bảo hiểm lao động của công nhân viên chức theo luật định.

- ✓ Phòng tổ chức – hành chính: Tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức cán bộ, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công nhân viên, chịu trách nhiệm về công tác quản lý lao động, triển khai thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước liên quan đến người lao động. Chịu trách nhiệm về công tác an ninh trật tự, bảo đảm an toàn về tài sản trong toàn Công ty, đồng thời phụ trách đời sống văn hoá, thể dục thể thao, phát động các phong trào thi đua, khen thưởng các hoạt động phong trào của Công ty.

❖ **Các đội sản xuất:**

Hiện tại Công ty có 03 đội sản xuất, bao gồm:

- ✓ Đội khai thác, chế biến đá Thông Nhất
- ✓ Đội khai thác, chế biến đá Áng Bát
- ✓ Đội khai thác, chế biến đá Áng Dầu

Đây là những đội sản xuất tham gia trực tiếp vào quá trình khai thác và chế biến sản phẩm. Mỗi đội sản xuất bao gồm đội trưởng, đội phó, nhân viên kỹ thuật, nhân viên kinh tế và công nhân sản xuất trực tiếp.

3.3 Các công ty con/Công ty liên kết

❖ **Công ty con: 01**

Tên Công ty: Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên

Địa chỉ: Xóm Làng Mới 1, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường

Vốn điều lệ thực góp: 12.060.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty con: 99,99%

❖ **Công ty liên kết: Không**

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ✓ Hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trên cơ sở ổn định doanh nghiệp, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo toàn được vốn của các cổ đông, vốn của doanh nghiệp.
- ✓ Hoàn thành kế hoạch do Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra, thực hiện tốt công tác an toàn lao động, giữ gìn an ninh trật tự trong doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, các tổ chức đoàn thể và các mặt công tác khác tại doanh nghiệp.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ Xây dựng Công ty theo hướng phát triển bền vững, tốc độ tăng trưởng ổn định có tính cạnh tranh cao. Phát huy uy tín thương hiệu đã đạt được, tiếp tục đầu tư phát triển trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và chế biến vật liệu xây dựng.
- ✓ Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến hiện đại, nâng cao năng lực kinh doanh, phát triển và mở rộng liên doanh liên kết với các đối tác để phát triển năng lực của Công ty.
- ✓ Thực hiện đúng các quy định của pháp luật đối với các hoạt động sản xuất của Công ty.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Cty.

Phát triển doanh nghiệp phải gắn liền với mục tiêu bảo vệ môi trường, có trách nhiệm với xã hội, làm công tác xã hội từ thiện, đóng góp vào sự phát triển của xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro

- ✓ Rủi ro về pháp luật: Nhà nước có những quy định chặt chẽ về lĩnh vực khoáng sản. Công ty chịu sự điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật như: Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán; Luật quản lý thuế; Luật lao động, BHXH; Luật khoáng sản; Luật môi trường... Mọi sự thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước đều đem đến rủi ro nhất định cho doanh nghiệp, bởi bất kỳ sự thay đổi nào cũng có thể ảnh hưởng đến chiến lược và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- ✓ Rủi ro về nguyên liệu đầu vào: Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế đây là khó khăn đặc trưng của Công ty. Ngoài ra các yếu tố về trữ lượng, chất lượng khoáng sản... cũng một phần ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Rủi ro về thời tiết: Đây là rủi ro khá đặc thù của ngành khoáng sản. Tất cả các mỏ đá của Công ty đều lộ thiên. Vì vậy, những thay đổi của thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác mỏ, chế biến sản phẩm, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp.
- ✓ Rủi ro về môi trường: Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng đến môi trường. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào các vụ tranh cãi pháp lý.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019 là năm thứ tư thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 5 năm 2016-2020, bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng gặp phải không ít khó khăn,

thách thức, phải chịu tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là yếu tố về trữ lượng mỏ (trữ lượng ít, xấu...) và thị trường tiêu thụ đã ảnh hưởng đến việc duy trì sản xuất và khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty.

Ngay từ đầu năm khi đã nhận thức được những khó khăn, Công ty đã triển khai đồng bộ các biện pháp như: điều tiết trong sản xuất, thay đổi công nghệ chế biến đá; cắt giảm chi phí sản xuất; điều chỉnh linh hoạt giá bán.... Tuy nhiên, do khó khăn lớn về thị trường tiêu thụ lên việc sản xuất chỉ duy trì để tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, các chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra.

Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty đạt được như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Thực hiện 2018	So sánh %	
					KH 2019	TH 2018
1. Sản lượng sản xuất						
+ Sản xuất đá các loại	M ³	1.200.000	957.447	1.068.496	79,8%	89,6%
+ Sản xuất cát nghiền	"	36.000	7.604	17.588	21,1%	43,2%
2. Sản lượng tiêu thụ						
+ Tiêu thụ đá các loại	"	1.280.000	1.004.340	985.523	78,5%	101,9%
+ Tiêu thụ cát nghiền	"	36.000	8.167	16.752	22,7%	48,7%
3. Doanh thu						
	Tr.đ	138.200	115.457,7	117.978,5	83,5%	97,9%
4. Lợi nhuận sau thuế						
	"	7.500	6.198,8	8.599,1	82,6%	72,1%
5. Các khoản nộp ngân sách						
	"	30.000	26.648,2	29.203,1	88,8%	91,2%

Sản lượng sản xuất đá các loại chỉ đạt 79,8% kế hoạch, giảm so với năm 2018; sản lượng tiêu thụ đá chỉ đạt 78,5 % kế hoạch, tăng nhẹ so với cùng kỳ; Doanh thu chỉ đạt 83,5% kế hoạch, giảm so với cùng kỳ, lợi nhuận chỉ đạt 82,6% kế hoạch, giảm so với cùng kỳ.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Danh sách ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Đào Văn Dũng	Giám đốc	131.650	4,03%	

2	Đỗ Quang Mạnh	Phó giám đốc	86.212	2,64%
3	Đoàn Văn Cường	Phó giám đốc	24.499	0,75%
4	Nguyễn Hữu Khiêm	Kế toán trưởng	30.796	0,94%

❖ **Sơ yếu lý lịch ban điều hành:**

✓ **Ông Đào Văn Dũng – Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/11/1966
- Chứng minh nhân dân: 030066003786, Ngày cấp: 24/07/2018, Nơi cấp: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Đồng Ngọ - Nam Đồng – TP Hải Dương – Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mở

✓ **Ông Đỗ Quang Mạnh - Phó giám đốc:**

- Họ và tên: Đỗ Quang Mạnh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/03/1965
- Chứng minh nhân dân: 140340892 Ngày cấp: 09/01/2010 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khu 2, P. Phú Thứ, TX. Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mở

✓ **Ông Đoàn Văn Cường - Phó giám đốc:**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/12/1979
- Chứng minh nhân dân: 141822720, Ngày cấp 05/04/2011, CA Hải Dương cấp.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác

✓ Ông Nguyễn Hữu Khiêm – Kế toán trưởng:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/03/1980
- Chứng minh nhân dân: 100726346, Ngày cấp 28/05/2015, CA Quảng Ninh cấp
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khu 2, P. Minh Tân, TX. Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh.

❖ Những thay đổi trong ban điều hành: Không

❖ Số lượng cán bộ nhân viên:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	207	100%
1	Đại học và trên đại học	23	11,1%
2	Cao đẳng	13	6,3%
3	Nghề, sơ cấp	30	14,5%
4	Phổ thông	141	68,1%
B	Theo tính chất công việc	207	100%

1	Lao động gián tiếp	74	35,7%
2	Lao động trực tiếp	133	63,4%

❖ **Chính sách đối với người lao động:**

- ✓ Thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định đối với người lao động(Tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN; Bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại; khám sức khỏe định kỳ; Ốm đau, thai sản...).
- ✓ Thông qua tổ chức công đoàn, các quyền lợi khác của người lao động được thực hiện đúng quy định(Tiền thưởng, thăm quan du lịch, cưới hỏi, ốm đau...).
- ✓ Thực hiện trả lương theo đơn giá khoán sản phẩm.
- ✓ Do phải thu hẹp sản xuất(trữ lượng khai thác thấp) nhu cầu sử dụng lao động giảm. Người lao động đã nhận thức được vấn đề, một số lao động đã tự nguyện xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty, Công ty đã tạo điều kiện cho số lao động này nghỉ việc để có cơ hội tìm việc làm ở các đơn vị khác. Theo đó, Công ty đã giải quyết cho **148** lao động xin nghỉ việc với tổng số tiền đã chi là **3,1** tỷ đồng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- ❖ **Các khoản đầu tư lớn:** Trong năm không phát sinh các khoản đầu tư lớn ngoài khoản đã đầu tư vào Công ty con – Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên năm 2018.

Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên đã hợp tác với đối tác, cho phép đối tác được đầu tư các hạng mục công trình, máy móc thiết bị để phục vụ việc khai thác, chế biến đá tại mỏ Hang Trai 2. Đến nay các hạng mục công trình, MMTB đã được đầu tư và đang trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm. Trước mắt, Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên sẽ thuê lại các hạng mục công trình nói trên, khi bố trí được nguồn vốn sẽ mua lại một phần hoặc toàn bộ các hạng mục công trình này.

❖ **Các công ty con:**

- Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên:

+ Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên hoạt động theo mã số doanh nghiệp 4601324133, địa chỉ Xóm Làng Mới, xã Tân Long, huyện Đông Hy, tỉnh Thái Nguyên, vốn điều lệ 12.060.000.000 đồng- Công ty đang sở hữu mỏ đá Hang Trai 2 với trữ lượng khai thác là 5,1 triệu m³ thời hạn khai thác 30 năm).

+ Tình hình tài chính: Đến 31/12/2019 tổng tài sản là 24.636 triệu đồng trong đó tài sản ngắn hạn 83 triệu, còn lại là tài sản dài hạn. Tổng nguồn vốn 24.636 triệu đồng, trong đó nợ phải trả 13.146 triệu đồng vốn chủ 11.489 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính

❖ Tình hình tài chính

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	93.146.123.100	85.116.883.026	-8,6%
2	Doanh thu thuần	117.978.580.595	115.457.716.413	-2,1%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.972.075.109	7.134.275.608	-28,6%
4	Lợi nhuận khác	397.977.285	(713.973.521)	-279,4%
5	Lợi nhuận trước thuế	10.370.052.394	6.420.302.087	-38,1%
6	Lợi nhuận sau thuế	8.098.432.955	4.589.463.959	-43,3%
7	Tỷ lệ trả cổ tức (%)	90	0	-100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,85	0,71	
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,46	0,43	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	62,87	55,91	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	169,33	126,79	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				

+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	8,01	7,12
+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,27	1,36
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	6,86	3,97
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu(ROE)	%	23,41	12,23
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản(ROA)	%	8,69	5,39
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	%	8,45	6,18

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

❖ Cổ phần

- ✓ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương
- ✓ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ✓ Tổng số cổ phần:
 - Số lượng cổ phần đang lưu hành: 3.262.818 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 3.262.818 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

❖ Cơ cấu cổ đông:

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	01	1.164.919	35,70%
2	Cá nhân	352	1.930.699	59,17%

	Tổng	353	3.095.618	94,87%
II	Cổ đông nước ngoài			
1	Tổ chức	01	166.060	5,09%
2	Cá nhân	01	1.140	0,04%
	Tổng	02	167.200	5,13%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
	Tổng cộng:	355	3.262.818	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 21/11/2019)

❖ **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2019 vốn đầu tư của chủ sở hữu có thay đổi tăng 90%, cụ thể như sau:

+ Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2018 là:	17.174.100.000 đồng
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu :	14.939.910.000 đồng
+ Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn CSH:	514.170.000 đồng
+ Vốn cổ phần tại ngày 31/12/2019 là:	32.628.180.000 đồng

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu với giá trị bằng 87% vốn điều lệ, tương đương 14.941.460.000 VND và phát hành cổ phần để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn khác của chủ sở hữu với giá trị bằng 3% vốn điều lệ, tương đương 515.220.000 VND. Ngày 27 tháng 11 năm 2019, Công ty đã phát hành 1.493.991 cổ phiếu (tương đương 14.939.910.000 VND) để chi trả cổ tức và 51.417 cổ phiếu (tương đương 514.170.000 VND) để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn khác của chủ sở hữu.

❖ **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không

❖ **Các chứng khoán khác:** Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

❖ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh:**

✓ **Thuận lợi:**

Tập thể CBCNV - người lao động trong Công ty có tinh thần đoàn kết, thống nhất, tích cực hăng say lao động sản xuất, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc. Đội ngũ CBCN kỹ thuật có tay nghề cao, có kinh nghiệm trong khai thác, chế biến đá các loại, đáp ứng được yêu cầu của thị trường về chất lượng, chủng loại sản phẩm.

Hệ thống máy móc thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến đá đồng bộ, công suất khai thác, chế biến đá lớn, mặt bằng sản xuất rộng, có vị trí thuận lợi cho hoạt động khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

✓ **Khó khăn:**

Điều kiện làm việc chủ yếu ở ngoài trời, trên núi cao, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và chịu ảnh hưởng rất nhiều của thời tiết.

Một số mỏ đá vôi trữ lượng còn lại ít, đang khai thác tận thu, chất lượng xấu, chi phí sản xuất cao...

✓ **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:**

Năm 2019 các chỉ tiêu kinh tế đều không đạt kế hoạch đề ra, đồng thời giảm so với cùng kỳ, là do:

+ Trữ lượng mỏ còn lại thấp, chất lượng xấu chủ yếu là khai thác tận thu, chi phí sản xuất cao; Thị trường tiêu thụ bị thu hẹp: Các công trình xây dựng của Nhà nước (sử dụng số lượng lớn sản phẩm của Công ty) đã hoàn thiện, nhu cầu xây dựng dân sinh giảm.

+ Ngoài ra, Công ty phải chi phí **3,1 tỷ đồng** để giải quyết chế độ cho **148** lao động xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty.

Ban giám đốc đã nhận thức được những khó khăn, đã triển khai các biện pháp như: điều tiết trong sản xuất, thay đổi công nghệ chế biến đá; cắt giảm chi phí sản xuất; điều chỉnh giảm giá bán... Tuy nhiên, do khó khăn lớn về trữ lượng, chất lượng và thị trường lên việc sản xuất chỉ duy trì để tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, các chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra và giảm so với cùng kỳ.

❖ **Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

- Chất lượng trong công tác tài chính - kế toán được nâng cao, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Tuân thủ chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho công ty đại chúng, chất lượng hạch toán, kê khai, quyết toán thuế kịp thời.
- Việc thực hiện công tác bán hàng đúng theo các quy định của pháp luật, theo quy chế quản lý sản phẩm của Công ty, không còn để khách hàng nợ đọng kéo dài.
- Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị đã phát huy tốt năng lực của các thành viên HĐQT trong việc lãnh đạo, giám sát, đảm bảo hoạt động đúng định hướng, tuân thủ Điều lệ và các quy chế, quy trình, bảo vệ lợi ích của Công ty.

- Phân công nhiệm vụ trong Ban giám đốc rõ ràng, cụ thể tạo được sự đồng thuận, phát huy được vai trò, khả năng của từng cá nhân trong từng vị trí quản lý và điều hành.

2. Tình hình tài chính

❖ Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	31.753,4	34,09%	26.564,3	31,2%	-16,3%
Tài sản dài hạn	61.392,7	65,91%	58.552,5	68,8%	-4,6%
Tổng cộng tài sản	93.146,1	100%	85.116,8	100%	-8,6%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019

Trong năm 2019 có biến động nhẹ về giá trị tài sản của Công ty so với năm 2018: tổng tài sản đạt 85,1 tỷ đồng giảm 8,6% so với năm 2018. Cơ cấu tài sản cũng có sự thay đổi: Tài sản ngắn hạn đạt : 26,6 tỷ đồng giảm 16,3% so với năm 2018, trong khi tài sản dài hạn đạt: 58,5 tỷ đồng giảm 4,6% so với năm 2018.

Về tài sản ngắn hạn: Hàng tồn kho là chỉ tiêu giảm mạnh trong cơ cấu tài sản ngắn hạn với giá trị giảm 3,5 tỷ (tương đương mức giảm 24,5%). Trong khi đó các chỉ tiêu khác đều giảm nhẹ so với cùng kỳ.

Về cơ cấu tài sản dài hạn: Trong năm 2019 không có biến động lớn về tài sản dài hạn: các chỉ tiêu đều giảm với tổng giá trị giảm là 2,8 tỷ đồng (tương đương với mức giảm là 4,6%).

❖ Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	37.446,8	63,94%	37.154,2	78,08%	-0,78%
Nợ dài hạn	21.114,4	36,06%	10.430,8	21,92%	-50,59%
Tổng nợ	58.561,2	100%	47.585,0	100%	-18,74%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019

Trong năm 2019 có biến động nhẹ trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng hai nhóm nợ này thay đổi với 78,08% là nợ ngắn hạn và 21,92% là nợ dài hạn. Nợ dài hạn giảm mạnh so với cùng kỳ với mức giảm 50,59%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật liên quan đến tất cả các hoạt động của Công ty.

Cơ chế chính sách quản lý của Công ty ngày càng hoàn thiện, phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách khoán vẫn được xem xét áp dụng trong toàn Công ty, việc áp dụng linh hoạt chính sách khoán phù hợp với thực tế tại từng thời điểm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu chủ yếu cũng như thực hiện chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- ✓ Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư thành lập thêm các chi nhánh tại các vùng miền khác nhau đặc biệt là các tỉnh phía Bắc nhằm tận dụng lợi thế về thương hiệu, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực.
- ✓ Về thị trường: Duy trì, tạo mối quan hệ tốt đối với các khách hàng truyền thống, tận dụng lợi thế về thương hiệu, cơ sở hạ tầng, mặt bằng bến bãi để phát triển thị trường mới.
- ✓ Về sản phẩm: Duy trì và phát huy các sản phẩm có thế mạnh của Công ty, kiểm soát chặt chẽ công tác giao khoán sản phẩm nhằm tập trung nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao chi phí. Nghiên cứu cải tiến công nghệ chế biến nhằm đa dạng hóa sản phẩm cũng như tận thu tối đa các sản phẩm thu hồi.
- ✓ Về tài chính: Tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành của pháp luật về công tác quản lý tài chính doanh nghiệp, quản lý dòng tiền một cách hợp lý, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí đầu tư.
- ✓ Về nhân lực: Làm tốt công tác lập kế hoạch nguồn nhân lực cho từng năm, từng giai đoạn, bố trí sử dụng và chế độ đãi ngộ đối với từng chức danh, từng công việc; phân phối thành quả lao động phù hợp với công sức đóng góp của mỗi thành viên trong quá trình sản xuất. Duy trì chính sách khoán sản phẩm tới từng tổ sản xuất nhằm kích thích tinh thần làm việc tích cực và nâng cao trình độ quản lý và điều hành sản xuất của mọi thành viên trong doanh nghiệp.

Với thực lực hiện có của Công ty kết hợp với việc xem xét và đánh giá một cách thận trọng những yếu tố thuận lợi và khó khăn sắp tới. Công ty dự kiến xây dựng kế hoạch năm 2020 (Công ty mẹ) với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019	Ghi chú
1.Sản lượng sản xuất	M ³		
+ Đá các loại	"	770.000	
+ Cát nghiền	"	15.000	
2.Sản lượng tiêu thụ	"		
+ Đá các loại		845.000	
+ Cát nghiền	"	15.000	
3.Doanh thu	Tr.đ	90.600	
4.Lợi nhuận sau thuế	"	5.000	
5.Các khoản nộp ngân sách	"	20.700	

5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán nếu có: Không

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2019 HĐQT và Ban giám đốc đã bám sát mục tiêu nhiệm vụ để chỉ đạo cùng với sự nỗ lực phấn đấu, đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty. Tuy nhiên, với khó khăn rất lớn về thị trường tiêu thụ và trữ lượng khai thác đã tác động lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty: Các chỉ tiêu kinh tế đều không đạt kế hoạch đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Ban Giám đốc gồm 03 thành viên, trong đó chức danh Giám đốc do Phó chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm và 01 Phó giám đốc do thành viên HĐQT kiêm nhiệm, đây là thuận lợi giúp công tác điều hành được sâu sát và nhất quán trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT.

Ban Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng quản lý điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ, năng động, sáng tạo, đoàn kết và quyết tâm trong điều hành kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

❖ **Đối với công tác quản lý**

Xây dựng các trương trình hoạt động của HĐQT cho năm 2020 để chỉ đạo, quản lý điều hành doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao. Tiếp tục duy trì các phiên họp thường kỳ, ít nhất mỗi quý một lần để bàn bạc, thảo luận chiến lược kinh doanh, định hướng hoạt động của Công ty, thông qua các báo cáo, kế hoạch kinh doanh của Ban giám đốc.

Giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời và kiên quyết các hoạt động của Ban Giám đốc trong việc triển khai và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- **Đối với hoạt động kinh doanh**

Duy trì ổn định các mỏ hiện có, chuẩn bị cơ bản các điều kiện để tiến tới đấu giá quyền thăm dò mở rộng khai thác xuống sâu tại mỏ Phúc Sơn, Núi Sẻ và Hàm Long. Thăm dò khai thác xuống sâu tại mỏ Áng Bát, xin gia hạn các mỏ chưa khai thác hết trữ lượng.

Tập trung tối đa cho công tác bán hàng nhằm giảm hàng tồn kho bằng các giải pháp phù hợp tại từng thời điểm.

Tích cực hỗ trợ nhằm nâng cao công tác quản trị điều hành tại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên để hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty này đạt hiệu quả cao.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

❖ Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP đang nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Ông Vũ Thắng Bình	Chủ tịch HĐQT	-	-	
Ông Đào Văn Dũng	Phó chủ tịch HĐQT	131.650	4,03%	
Ông Phạm Thành Đô	Thành viên HĐQT	-	-	
Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên HĐQT	86.212	2,64%	
Ông Trần Văn Sừ	Thành viên HĐQT	64.495	1,98%	

- ❖ **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban

Tiểu ban Thư ký HĐQT gồm có 01 thành viên là ông Nguyễn Hữu Khiêm, đóng vai trò giúp việc cho các thành viên HĐQT, đảm bảo cho việc tổ chức các cuộc họp đúng trình tự, thủ tục theo qui định.

- ❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2019, HĐQT tổ chức 8 cuộc họp để nghe báo cáo và đề xuất của Ban giám đốc, từ đó nắm bắt tình hình chủ động xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với từng giai đoạn của Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty nhằm thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1. Ông Vũ Thắng Bình	Chủ tịch HĐQT	08/08	100%	
2. Ông Đào Văn Dũng	Phó chủ tịch HĐQT	08/08	100%	
3. Ông Phạm Thành Đô	Thành viên HĐQT	06/08	75%	Bận công tác
4. Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên HĐQT	08/08	100%	
5. Ông Trần Văn Sừ	Thành viên HĐQT	08/08	100%	

Hội đồng quản trị đã linh động đề ra những chỉ đạo phù hợp thông qua các Nghị quyết, Quyết định được thông nhất bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp. Nhờ vậy, công tác chỉ đạo luôn kịp thời và bám sát tình hình Công ty cũng như yêu cầu của từng thời kỳ.

- ❖ **Các Nghị quyết, Quyết định mà HĐQT đã ban hành trong năm**

S T T	Số Nghị quyết/ Quyết định/BB	Ngày	Nội dung
1	21/BB-HĐQT	29/01/2019	-Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý IV và cả năm 2018; Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và một số công việc có liên quan; Thảo luận kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông

			thường niên năm 2019.
2	29 /NQ-HĐQT	29/01/2019	<p>Thông nhất thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019</p> <p>- HĐQT thống nhất thông qua kết quả SXKD Quý 4 và cả năm 2018 theo báo cáo của Giám đốc Công ty.</p> <p>- HĐQT thống nhất thông qua định hướng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.</p> <p>- HĐQT thống nhất thông qua việc chi tạm ứng thù lao năm 2019 cho các thành viên HĐQT, BKS và thư ký Công ty.</p>
3	30/NQ-HĐQT	29/01/2019	<p>- HĐQT thống nhất đồng ý theo đề xuất của Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên về việc cho phép Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên(Công ty con) được hợp tác với Công ty cổ phần Phú Thịnh trong việc khai thác, chế biến đá tại dự án mỏ đá Hang Trai 2, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.</p>
4	22/BB-HĐQT	22/03/2019	<p>Thảo luận nội dung chương trình và thông qua nội dung các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.</p>
5	31 /NQ-HĐQT	22/03/2019	<p>HĐQT thống nhất thông qua nội dung các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019</p>
6	32 /NQ-HĐQT	22/03/2019	<p>Thông nhất thông qua chủ trương cho Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên – Công ty con vay vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh:</p>
7	23/BB-HĐQT	10/04/2019	<p>Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty và Bầu Chủ tịch HĐQT mới</p>
8	33 /NQ-HĐQT	10/04/2019	<p>- Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương đối với ông Phạm Thành Đô, sinh ngày 01/01/1978, kể từ ngày 11/04/2019.</p> <p>- Bầu ông Vũ Thắng Bình sinh ngày 09/12/1977, hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần khai thác,</p>

			chế biến khoáng sản Hải Dương kể từ ngày 11/04/2019.
9	18/QĐ-HĐQT	18/04/2019	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2019.
10	24/BB-HĐQT	12/7/2019	Tổng kết tình hình SXKD 06 tháng đầu năm 2019; Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2019 và các công việc có liên quan; Thảo luận kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019.
11	34 /NQ-HĐQT	12/7/2019	HĐQT thống nhất triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019.
12	35 /NQ-HĐQT	12/7/2019	<p>-HĐQT thống nhất thông qua kết quả SXKD 06 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm theo báo cáo của Giám đốc Công ty (kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2019 chưa được kiểm toán).</p> <p>- Thống nhất trả nhà nước diện tích đất không có nhu cầu sử dụng tại Đội khai thác chế biến đá Áng Dầu và tạo điều kiện cho Công ty cổ phần Phú Thịnh thuê đất sau khi giấy phép khai thác mỏ Áng Dầu hết hạn và hết thời gian thuê đất.</p> <p>- Chủ trương hợp tác kinh doanh theo báo cáo của Giám đốc Công ty. Giao Ban giám đốc Công ty làm việc với đối tác trong việc hợp tác kinh doanh trên diện tích đất 13ha tại Đội khai thác đá Thống Nhất. Lựa chọn phương án hiệu quả báo cáo HĐQT xem xét quyết định.</p>
13	25/BB-HĐQT	02/10/2019	Thảo luận việc rút một phần tài sản thế chấp, giảm hạn mức TD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hải Dương.
14	36 /NQ-HĐQT	02/10/2019	HĐQT thống nhất rút một phần tài sản thế chấp, giảm hạn mức TD tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hải Dương.
15	26/BB-HĐQT	18/10/2019	Tổng kết tình hình SXKD Quý III và 09 tháng năm 2019; Triển khai kế hoạch SXKD quý IV năm 2019 và các công việc có liên quan; Báo cáo công tác đầu tư tại mỏ Hang Trai 2 – Công ty cổ phần Đức Chung Thái Nguyên; Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020;

			<p>Thông nhất một số nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xem xét mở rộng ngành nghề hoặc kêu gọi đối tác đầu tư tại mặt bằng hiện có của Công ty; + Xem xét việc trả lại mặt bằng khi công ty khai thác hết tài nguyên khoáng sản và không có nhu cầu sử dụng: Mỏ Tân Sơn, Mỏ Bắc Tân Sơn, Khu vực mặt bằng tại Hàm Long – Phúc Sơn.
			<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT thống nhất thông qua kết quả SXKD Quý III và 09 tháng năm 2019 (kết quả kinh doanh Quý III và 09 tháng đầu năm 2019 chưa được kiểm toán) và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV năm 2019 theo báo cáo của Giám đốc Công ty. - HĐQT thống nhất định hướng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu kế hoạch theo báo cáo của Giám đốc Công ty. Công ty căn cứ vào kết quả SXKD cả năm 2019, những thuận lợi, khó khăn và khả năng nhu cầu thị trường để xây dựng kế hoạch năm 2020 cho phù hợp với điều kiện thực tế, báo cáo HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua.
16	37/NQ-HĐQT	18/10/2019	<ul style="list-style-type: none"> - HĐQT thống nhất Giao Ban giám đốc Công ty căn cứ nhu cầu sử dụng lao động thực tế, xây dựng phương án sử dụng lao động, có phương án xử lý số lao động dôi dư phù hợp với tình hình thực tế theo hướng tiết kiệm chi phí cho Công ty và phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. - HĐQT thống nhất với đề xuất của Giám đốc Công ty về việc trả lại mặt bằng sân công nghệ thuộc mặt bằng mỏ Tân Sơn và vùng vành đai giáp 829 để liên danh Bình Minh – Tân Cương thuê lại Nhà nước bù lại liên Danh sẽ hỗ trợ công ty một phần kinh phí. Giao cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện trên tinh thần có lợi nhất cho Công ty.
17	27/BB-HĐQT	21/10/2019	Thảo luận việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hải Dương.
18	38/NQ-HĐQT	21/10/2019	Vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hải Dương)
19	28/BB-HĐQT	16/12/2019	Đăng ký giao dịch bổ sung 1.545.408 cổ phiếu sau đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong

năm 2019 trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

20 39 /NQ-HĐQT 16/12/2019 Thông qua việc đăng ký giao dịch bổ sung 1.545.408 cổ phiếu sau đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm 2019 trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

❖ **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:** Không

❖ **Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:** Không có

2. Ban kiểm soát

❖ **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP đang nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng BKS	25.650	0,78%	
Ông Vũ Văn Trào	Thành viên BKS	1.595	0,05%	
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên BKS	-	-	

❖ **Hoạt động của Ban kiểm soát**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Theo dõi, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc; Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, văn bản của Công ty.

Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành.

- Thường xuyên tham gia cuộc họp của Hội đồng quản trị; Kiểm tra giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm

Lần họp	Nội dung
Lần họp 1	Đánh giá về kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành năm 2018, triển khai kế hoạch hoạt động năm 2019;
Lần họp 2	Triển khai các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.

4.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Thành viên	Chức danh	Tổng thu nhập (ĐVT: 1.000 đồng)		
			Thù lao HĐQT/BKS /thư ký	Lương, thưởng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị/Ban giám đốc		420.000	819.773	1.239.773
1	Vũ Thắng Bình	Chủ tịch HĐQT	99.000	-	99.000
2	Đào Văn Dũng	Phó chủ tịch HĐQT – Giám đốc	96.000	270.623	366.623
3	Đỗ Quang Mạnh	TV HĐQT – Phó giám đốc	72.000	235.654	307.654
4	Phạm Thành Đô	TV HĐQT	81.000	-	81.000
5	Trần Văn Sừ	TV HĐQT	72.000	80.770	152.770
6	Đoàn Văn Cường	Phó giám đốc	-	232.726	232.726
II	Ban kiểm soát		168.000	221.515	389.515
1	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng BKS	72.000	140.953	212.953
2	Vũ Văn Trào	TV BKS	48.000	80.562	128.562
3	Nguyễn Ngọc Tuấn	TV BKS	48.000	-	48.000

ngày Công ty nhận được đầy đủ số tiền vay. Lãi suất vay là 11%/năm, thanh toán lãi định kỳ 6 tháng một lần vào ngày thanh toán nợ gốc vay.

Trong kỳ đã trả gốc vay là 1.732.000.000 VNĐ, trả lãi vay là 536.022.700 VNĐ, đến 31/12/2019 số dư nợ gốc còn lại là 3.468.000.000 VNĐ

- Công ty vay hạn không tài sản đảm bảo từ Ông **Đỗ Quang Mạnh** – thành viên **HDQT, Phó giám đốc Công ty** theo Hợp đồng vay số 03-2018/HĐVV ngày 22 tháng 8 năm 2018. Số tiền vay theo hợp đồng vay là 1.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày Công ty nhận được đầy đủ số tiền vay. Lãi suất vay là 11%/năm, thanh toán lãi định kỳ 6 tháng một lần vào ngày thanh toán nợ gốc vay. Trong kỳ đã trả nợ gốc vay là 332.000.000 VNĐ, trả lãi vay là 108.806.000 VNĐ, đến 31/12/2019 số dư nợ gốc còn lại là 668.000.000 VNĐ

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.

Trong năm 2019 Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị Công ty, và thực hiện báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo kiểm toán số 0635/VN1A-HN-BC ngày 12 tháng 03 năm 2020 của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

- 2. **Báo cáo tài chính năm 2019** của Công ty đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán (kèm theo).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

